



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HUYỆN ĐẠI LỘC

NỘI DUNG VÀ CẤU TRÚC ĐỀ THI HỌC SINH GIỎI KHỐI 8
(NĂM HỌC 2022-2023)

(Ban hành kèm theo Công văn số 09 /PGDDT-THCS ngày 25/01/2023 của Phòng GDĐT huyện Đại Lộc)

A. MÔN TOÁN

I. Yêu cầu:

1. Kiến thức: Thuộc môn Toán lớp 8, Chương trình GDPT 2006. Không thi các nội dung đã giảm tải theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo..

2. Năng lực: Kiểm tra được các kiến thức và năng lực vận dụng kiến thức của học sinh.

II. Cấu trúc đề thi:

- Đề thi theo hình thức tự luận gồm 5 câu, mỗi câu có thể có nhiều câu thành phần.

- Thời gian làm bài: 120 phút đến 150 phút.

- Thang điểm: 20 điểm.

+ Số học: 4 điểm

+ Đại số: 8 điểm

+ Hình học: 8 điểm

III. Chi tiết của nội dung câu hỏi và cấu trúc đề thi:

Câu	Phân môn	Thành phần của câu	Nội dung	Điểm
1	Số học	1 đến 2	- Tìm số và chữ số trong hệ thập phân. Toán chia hết, UCLN, BCNN, số nguyên tố, hợp số. Toán suy luận logic. Toán dãy số có quy luật. - Chứng minh một số là số chính phương, không là số chính phương. Tìm giá trị của biến để một biểu thức là số chính phương, số nguyên tố - Phương trình nghiệm nguyên	4
2	Đại số	1 đến 2	- Phân tích đa thức thành nhân tử và các vấn đề liên quan - Rút gọn biểu thức, biểu thức hữu tỉ và tìm	4

			<p>giá trị nguyên của một biểu thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm điều kiện xác định của biểu thức. Rút gọn biểu thức đại số. Tính giá trị của biểu thức đại số. - Tìm giá trị nguyên, điều kiện để có giá trị nguyên. Tìm số dư trong phép chia đa thức cho đa thức, các phép biến đổi về đa thức. - Tìm GTLN, GTNN của biểu thức đại số. 	
3	Đại số	1 đến 2	<ul style="list-style-type: none"> - Giải phương trình bậc nhất và các phương trình đưa được về phương trình bậc nhất. - Giải phương trình chứa ẩn ở mẫu, phương trình chứa giá trị tuyệt đối, phương trình tích. - Giải bất phương trình và các vấn đề liên quan - Chứng minh đẳng thức, bất đẳng thức. Toán áp dụng bất đẳng thức Cô-si cho 2 số không âm. 	4
4	Hình học	1 đến 2	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh song song, bằng nhau, thẳng hàng, đồng quy, vuông góc, đi qua một điểm cố định, giá trị không đổi - Chứng minh hệ thức hình học (Vận dụng tỉ số đồng dạng, tính chất đường phân giác và định lí Ta-let trong tam giác) - Chứng bất đẳng thức hình học. 	4
5	Hình học	1 đến 2	<ul style="list-style-type: none"> - Các bài toán liên quan đến tam giác đồng dạng. - Các bài toán liên quan đến tam giác, tứ giác; tính tỉ số; tính chu vi, diện tích đa giác,... - Các bài toán cực trị hình học. Xác định điểm thỏa mãn điều kiện cho trước. Tìm tập hợp điểm. - Các bài toán có liên quan đến tứ giác đặc biệt. 	4

** Tùy nội dung cụ thể của đề thi, điểm số dành cho mỗi câu hoặc thứ tự câu có*

thể điều chỉnh so với cấu trúc câu.

B. MÔN NGỮ VĂN

I. Nội dung kiến thức:

1. Phần tiếng Việt:

- Trường từ vựng
- Từ tượng thanh, từ tượng hình
- Trợ từ, thán từ, tình thái từ
- Nói giảm, nói tránh
- Câu ghép
- Dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm
- Câu nghi vấn; câu cầu khiến; câu cảm thán; câu trần thuật; câu phủ định
- Hành động nói
- Hội thoại

2. Phần văn học:

- Tôi đi học
- Trong lòng mẹ
- Tức nước vỡ bờ
- Lão Hạc
- Cô bé bán diêm
- Chiếc lá cuối cùng
- Nhớ rừng
- Ông đồ
- Quê hương
- Khi con tu hú
- Ngắm trăng
- Đi đường
- Chiều đời đô
- Hịch tướng sĩ
- Nước Đại Việt ta

3. Phần tập làm văn:

- Tính thống nhất về chủ đề của văn bản
- Bố cục của văn bản
- Nghị luận xã hội; cách làm bài nghị luận xã hội (sự việc hiện tượng, tư tưởng đạo lí)
- Nghị luận văn học; cách làm bài nghị luận văn học (thơ, truyện)

II. Cấu trúc đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận.
- Thời gian làm bài: 120 phút đến 150 phút.
- Thang điểm: 20 điểm.

1. Đọc hiểu văn bản: (5 điểm)

- Kiến thức tiếng Việt (2 điểm)
- Kiến thức văn học (3 điểm)

2. Tạo lập văn bản: (15 điểm)

- Nghị luận xã hội (5 điểm)
- Nghị luận văn học (10 điểm)

III. Những điểm cần chú ý trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi:

- Cách viết bài nghị luận xã hội (sự việc hiện tượng, tư tưởng đạo lí)
- Rèn HS kỹ năng xây dựng và phát biểu luận điểm, tìm luận cứ làm sáng tỏ luận điểm; cách triển khai đoạn văn nghị luận, bài văn nghị luận đảm bảo lập luận chặt chẽ, hợp lí.
- Rèn kỹ năng phân tích, tổng hợp, nhận xét, đánh giá văn học trên cơ sở cảm thụ thẩm mỹ về tác phẩm văn học, các chi tiết, hình ảnh...
- Vận dụng những kiến thức tiếng Việt vào phân tích, cảm nhận nghệ thuật tác phẩm văn học.
- Chú ý tác phẩm, các nhóm tác phẩm có cùng đề tài, chủ đề; các nhân vật đã học trong chương trình ngữ văn THCS để so sánh, đối chiếu, phân tích, bình giá...
- Luyện tập thao tác phân tích, so sánh các chi tiết/tình tiết nghệ thuật, các hình tượng, nhân vật ... để tìm ra những điểm tương đồng, khác biệt trong cách sử dụng ngôn ngữ, chi tiết, hình ảnh, xây dựng nhân vật, ... giữa các nhà văn, nhà thơ.
- Luyện tập các kỹ năng làm bài văn nghị luận; luyện tập các thao tác phân tích, giải thích, chứng minh, bình luận, so sánh. Đặc biệt là kiểu bài văn giải thích kết hợp chứng minh; kiểu bài bình luận một ý kiến, vấn đề xã hội; phân tích, so sánh văn học.

C. MÔN TIẾNG ANH

I. Một số thông tin chung:

1. Thời gian làm bài: 120 phút đến 150 phút.
2. Thang điểm: 20,0 điểm.

II. Cấu trúc đề và định hướng các dạng câu hỏi

Section I: Listening (4,0/ 20,0 điểm)

Đề thi từ 2 đến 3 phần trong các dạng câu hỏi định hướng sau:

1. Listening and filling in the gaps.
2. Listening and answering the questions.
3. Listening and choosing True or False statements.
4. Listening and answering the Multiple choice questions.
5. Listening and matching.

Section II: Lexico-Grammar, communication (6,0 / 20,0 điểm)

Đề thi gồm 4 phần trong các dạng câu hỏi định hướng sau:

1. Multiple choice questions. (Grammar + Vocab + Pro)
2. Gap-filling. (Grammar + Vocab)
3. Error Identification/ Correction. (Grammar)
4. Word formation. (Grammar + Vocab)
5. Matching. (Vocab)
6. Word meaning (synonym/ antonym). (Vocab)
7. Verb tenses. (Grammar)

Section III: Reading (5,0/ 20,0 điểm)

Đề thi gồm 3 đến 4 phần trong các dạng câu hỏi định hướng sau:

1. Reading and answering the Multiple choice questions.
2. Reading and filling in the gaps (cloze test).
3. Reading and doing the gapped text exercise.
4. Reading and choosing the headings.
5. Reading and matching.
6. Reading and answering the True/ False/ No information questions.
7. Reading and reordering the sentences/ paragraphs.

Section IV: Writing (5,0 / 20,0 điểm)

Đề thi gồm nhiều nhất 3 phần trong các dạng câu hỏi định hướng sau:

1. Sentence transformation writing.
2. Key word transformation writing.
3. Sentence building.
4. Essay writing (Opinion/ Problem and Solution/ Advantages and Disadvantages questions).
5. Email/ letter

3. Tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo gồm các dạng bài thi, luyện thi trong các giáo trình PET, ... và các tài liệu tương đương với cấp độ trong phạm vi từ A2 đến B1 theo

Khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ chung Châu Âu (CEFR).

D. MÔN VẬT LÝ

- Đề thi theo hình thức tự luận.
- Thời gian làm bài: 120 phút đến 150 phút.
- Thang điểm: 20 điểm.

I. Nội dung Nội dung kiến thức:

1. Phần Cơ học:

- Dạng bài tập về tính thời gian, quãng đường, vận tốc trung bình của một số chuyển động thẳng thường gặp .
- Dạng bài tập tìm thời điểm và vị trí của các vật chuyển động khi gặp nhau, vẽ đồ thị các dạng chuyển động đơn giản.
- Dạng bài tập chuyển động của thuyền khi xuôi dòng hay ngược dòng trên hai bên sông.
- Dạng bài toán về Lực – Áp suất, lực đẩy Ác si mét – Sự nổi.
- Dạng bài tập về các loại Máy cơ đơn giản thường gặp: Mặt phẳng nghiêng, đòn bẩy, ròng rọc.

2. Phần Nhiệt học:

- Dạng bài toán về tính nhiệt lượng thu vào, tỏa ra của một số vật, khối lượng chất làm nên vật, nhiệt độ đầu, nhiệt độ cuối, sự cân bằng nhiệt.
- Dạng bài toán về xác định sự chuyển thể của chất (tồn tại thể rắn, lỏng, khí, nước đá tan hết hay không, tính khối lượng hay tìm nhiệt độ của chúng khi đó)

3. Phần Gương phẳng:

- Dạng bài toán về sự truyền thẳng ánh sáng, vẽ đường đi của tia sáng, ảnh của vật qua gương phẳng.
- Dạng toán về hệ gương phẳng.

II. Cấu trúc đề thi

1. Phần cơ học: (8 điểm đến 10 điểm)
2. Phần Nhiệt học: (4 điểm đến 5 điểm)
3. Phần Gương phẳng: (4 điểm đến 5 điểm)

E. MÔN HOÁ HỌC

I. Nội dung dạy học:

STT	CHUYÊN ĐỀ	NỘI DUNG CHÍNH
1	Chất - Nguyên tử - Phân tử	<ul style="list-style-type: none">- Chất – hỗn hợp.- Nguyên tử - Nguyên tố hoá học.- Đơn chất – Hợp chất – Phân tử.- Công thức hoá học.- Hoá trị.- Bài tập định tính, định lượng: Tìm nguyên tố dựa vào số hạt p,n,e. Lập CTHH theo hóa trị, thành phần nguyên tố (tỉ lệ khối lượng, % khối lượng, M, ...).
2	Phản ứng hoá học	<ul style="list-style-type: none">- Sự biến đổi chất.- Phản ứng hoá học.- Định luật bảo toàn khối lượng.- Phương trình hoá học.- Các dạng bài tập định tính, định lượng; Hoàn thành các PTHH, áp dụng định luật bảo toàn khối lượng...
3	Mol – Tính toán hoá học.	<ul style="list-style-type: none">- Mol.- Chuyển đổi giữa khối lượng, thể tích và lượng chất.- Tỉ khối chất khí.- Tính theo CTHH, tính theo PTHH.- Các bài tập định tính, định lượng: Bài tập về tỉ khối chất khí, Lập CTHH theo PTHH, các dạng bài tập liên quan đến PTHH như: Bài tập về hiệu suất phản ứng, Bài tập về lượng chất dư, Bài tập về hỗn hợp...
4	Oxi – Hidro – Nước	<ul style="list-style-type: none">- Tính chất - Ứng dụng – Điều chế mỗi chất.- Bài tập định tính, định lượng có liên quan.
5	Dung dịch	<ul style="list-style-type: none">- Dung dịch.- Độ tan của một chất trong nước.- Nồng độ dung dịch.- Bài tập định tính, định lượng: Bài tập về độ tan, tính khối lượng muối kết tinh, tính nồng độ dung dịch, pha

STT	CHUYÊN ĐỀ	NỘI DUNG CHÍNH
		trộn dung dịch ...
6	Các loại hợp chất vô cơ: Oxit, Axit, Bazơ, Muối.	- Định nghĩa, phân loại, cách gọi tên mỗi loại. - Tính chất mỗi loại. - Các dạng bài tập định tính, định lượng: Nhận biết, điều chế, thực hiện dãy chuyển hoá, tách chất ra khỏi hỗn hợp, tính toán các đại lượng theo PTHH...

II. Cấu trúc đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận.
- Thời gian làm bài: 120 phút đến 150 phút.
- Thang điểm: 20 điểm.

Câu 1: Chất - Nguyên tử - Phân tử.

Câu 2: Phản ứng hoá học.

Câu 3: Tính toán hoá học.

Câu 4: Dung dịch.

Câu 5: Các loại hợp chất vô cơ: Oxit, Axit, Bazơ, Muối.

Câu 6: Bài tập tổng hợp.

F. MÔN SINH HỌC

I. Nội dung:

Số câu	Nội dung	Điểm
	Hệ vận động: Cấu tạo, tính chất của cơ, xương Tính toán liên quan đến sức căng của cơ, sức chịu của xương	2
1	Hệ tuần hoàn: Cấu tạo và chức năng của cơ quan trong hệ tuần hoàn (Trình bày được cấu tạo phù hợp chức phận) Vệ sinh hệ tuần hoàn Tính toán liên quan đến lượng máu chuyển qua các mạch, nhịp tim, chu kỳ tim...	3
1	Hệ tiêu hóa:	

Số câu	Nội dung	Điểm
	<p>Hệ vận động: Cấu tạo, tính chất của cơ, xương Tính toán liên quan đến sức căng của cơ, sức chịu của xương</p>	2
	<p>Cấu tạo và chức năng của cơ quan tiêu hóa Giải thích được các hiện tượng thực tế có liên quan đến tiêu hóa ở miệng, dạ dày, ruột non., vệ sinh tiêu hóa Tính toán liên quan đến thời gian tiêu hóa thức ăn, khẩu phần thức ăn</p>	3
1	<p>Hệ hô hấp: Cấu tạo cơ quan hô hấp phù hợp chức phận Vệ sinh hô hấp, các bệnh đường hô hấp Tính toán liên quan đến trao đổi khí ở phổi, dung tích sống...</p>	2
	<p>Hệ bài tiết: Cấu tạo phù hợp chức năng Vệ sinh hệ bài tiết, bệnh về thận Tính toán liên quan đến lượng nước tiểu bài tiết</p>	2
2	<p>Thần kinh, giác quan: Khái niệm phản xạ, cung phản xạ, vòng phản xạ. Phân loại phản xạ có và không có điều kiện. Giải thích các hiện tượng có liên quan đến phản xạ Cấu tạo hệ thần kinh vận động: Tủy sống, tiểu não, trụ não, đại não Phân biệt được cấu tạo và chức năng của các bộ phận thần kinh trung ương, giải thích các hiện tượng có liên quan đến chức năng của các bộ phận đó. Cấu tạo hệ thần kinh sinh dưỡng, phân biệt được thần kinh giao cảm và đối giao cảm. Các cơ quan phân tích thị giác, thính giác, nêu được cấu tạo, chức năng và biện pháp khắc phục khuyết tật của mắt. Vệ sinh hệ thần kinh Thực hành phân biệt rễ dây thần kinh tủy, chức năng tủy sống.</p>	6

Số câu	Nội dung	Điểm
	Hệ vận động: Cấu tạo, tính chất của cơ, xương Tính toán liên quan đến sức căng của cơ, sức chịu của xương	2
1	Nội tiết: Vị trí và chức năng các tuyến yên, tuyến giáp, tuyến tụy, tuyến trên thận Điều hòa và phối hợp hoạt động các tuyến nội tiết	2

II. Cấu trúc đề:

- Đề thi theo hình thức tự luận.
- Thời gian làm bài: 120 phút đến 150 phút.
- **Thang điểm: 20 điểm.**

Chương	Điểm
Chương I. Khái quát về cơ thể người	0
Chương II. Vận động	2
Chương III. Tuần hoàn	3
Chương IV. Hô hấp	2
Chương V. Tiêu hoá	3
Chương VI. Trao đổi chất và năng lượng	0
Chương VII. Bài tiết	2
Chương VIII. Da	0
Chương IX. Thần kinh và giác quan	6
Chương X. Nội tiết	2
Chương XI. Sinh sản	0

G. MÔN LỊCH SỬ

- Đề thi theo hình thức tự luận.

- Thời gian làm bài: 120 phút đến 150 phút.

- Thang điểm: 20 điểm.

I. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (5 điểm)

1. Chủ đề 1: CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ XÁC LẬP CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (Từ giữa thế kỉ XVI đến nửa sau thế kỉ XIX)

- Những cuộc cách mạng tư sản đầu tiên

- Cách mạng tư sản Pháp

2. Chủ đề 2: CHÂU Á THẾ KỈ XVIII - ĐẦU THẾ KỈ XX

- Các nước Đông Nam Á cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

- Nhật Bản giữa thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

3. Chủ đề 3: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 - 1918)

II. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (7 điểm)

1. Chủ đề 1: CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÃ NĂM 1917 VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở LIÊN XÔ (1921 - 1941)

- Cách mạng tháng mười Nga năm 1917 và cuộc đấu tranh bảo vệ cách mạng (1917 - 1921)

- Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội (1921 - 1941)

2. Chủ đề 2: CHÂU ÂU VÀ NƯỚC MỸ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933.

- Nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 – 1939)

3. Chủ đề 3: CHÂU Á GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 – 1939)

- Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918 - 1939)

- Phong trào độc lập dân tộc ở Châu Á (1918 - 1939)

Chủ đề 4: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 – 1945)

Chủ đề 5: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC – KỸ THUẬT VÀ VĂN HOÁ THẾ GIỚI NỬA ĐẦU THẾ KỈ XX

III. LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1858 ĐẾN NĂM 1918 (8 điểm)

Chủ đề 1: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1858 – cuối thế kỉ XIX)

Chủ đề 2: XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX

*** Lưu ý:**

- Đây là quy định khung cấu trúc chung, khi ra đề điểm số từng phần có thể

điều chỉnh .

- Phạm vi kiến thức : trong chương trình cấp học tính đến thời điểm thi.
- Không thi các nội dung đã giảm tải theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

H. MÔN: ĐỊA LÍ

- Đề thi theo hình thức tự luận.
- Thời gian làm bài: 120 phút đến 150 phút.
- Thang điểm: 20 điểm.
- Cấu trúc đề thi: Gồm 5 câu. Mỗi câu có thể có nhiều câu thành phần, thuộc các nội dung sau:

Phần	NỘI DUNG	Điểm
1	<ul style="list-style-type: none">- Vị trí địa lí Việt Nam và ảnh hưởng của nó đến tự nhiên, kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh quốc phòng.- Vùng biển Việt Nam- Đặc điểm chung của địa hình Việt Nam- Đặc điểm chung của khí hậu Việt Nam- Các mùa thời tiết và khí hậu Việt Nam- Đặc điểm chung và giá trị của sông ngòi Việt Nam- Đặc điểm chung của đất Việt Nam- Đặc điểm chung sinh vật và bảo vệ tài nguyên sinh vật Việt Nam- Đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam	15,0
2	Bài tập về kĩ năng địa lý: <ul style="list-style-type: none">- Xử lí số liệu (đọc, tính toán, nhận xét...);- Biểu đồ (kỹ năng vẽ, nhận xét, giải thích...).	5,0

*** Lưu ý:**

- Phạm vi kiến thức: Các nội dung quy định ở 2 phần trong cấu trúc đề thuộc chương trình Địa lí lớp 8, trừ các nội dung giảm tải.
- Số điểm ở mỗi phần có thể thay đổi cho phù hợp với nội dung đề thi nhưng không quá 1,0 điểm.
- Thí sinh được sử dụng Át lát Địa lí Việt Nam xuất bản từ năm 2011 đến nay để làm bài thi./.

I. MÔN TIN HỌC

I. Nội dung cơ bản:

- Các thành phần cơ sở của ngôn ngữ Pascal
- Cấu trúc chương trình
- Một số kiểu dữ liệu chuẩn (Nguyên, thực, logic, kí tự, xâu, ...)
- Khai báo biến
- Phép toán, biểu thức, câu lệnh gán;
- Một số hàm và thủ tục cơ bản (Abs, Sqrt, Trunc, Frac,...)
- Tổ chức vào / ra đơn giản
- Soạn thảo, dịch, thực hiện và hiệu chỉnh chương trình.
- Tổ chức rẽ nhánh (Lệnh If ... then ... else; If ... then...)
- Tổ chức rẽ nhánh Case ... of
- Tổ chức lặp While... do
- Tổ chức lặp Repeat... Until
- Tổ chức lặp For ... to ... do(For ... downto ... do)
- Kiểu dữ liệu kí tự (Char)
- Kiểu dữ liệu Chuỗi (String)
- Kiểu dữ liệu mảng (array): Mảng một chiều, hai chiều
- Chương trình con: Thủ tục và Hàm.

II. Cấu trúc đề (Gợi ý):

1. Số lượng bài tập: 4 bài (20 điểm)

2. Thời gian làm bài: 150 phút

3. Nội dung bài tập:

Bài 1-2 (10 điểm):

Các thuật giải cơ bản (Nhập và xuất dữ liệu, tính toán đơn giản như: Tìm ƯCLN, BCNN, tính tổng, tích, giai thừa, ...)

Bài 3 (5 điểm):

Các thuật giải nâng cao (Tìm kiếm, sắp xếp, lọc và trình bày dữ liệu như: Sắp xếp tăng, giảm; xác định phần tử thỏa mãn yêu cầu nào đó, trình bày màn hình đúng quy định,...)

Bài 4 (5 điểm):

Các thuật giải nâng cao kết hợp với việc tổ chức dữ liệu (kết hợp các tổ chức

lập với chương trình con để tính toán, xác định, trình bày dữ liệu).